CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:

"a) Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường;"

2. Bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 2 như sau:

"3. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Nghị định này bao gồm:

a) Doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện) được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

c) Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

đ) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

e) Các đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường."

3. Sửa đổi các khoản 4, 7, 8, 10 và 11, bổ sung các khoản 14 và 15 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Thông số môi trường nguy hại trong khí thải và môi trường không khí là các thông số môi trường có tên trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và một số thông số có tên trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải, chi tiết trong Mục II Phụ lục I kèm theo Nghị định này."

b) Sửa đổi khoản 7 và khoản 8 như sau:

"7. Bản kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm: Bản kê khai các hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường; đề án bảo vệ môi trường được xác nhận; đề án bảo vệ môi trường đơn giản; bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; bản cam kết bảo vệ môi trường và bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm: báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết; báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở đang hoạt động; đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt; đề án bảo vệ môi trường chi tiết; báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường."

c) Sửa đổi khoản 10 như sau:

"10. Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường bao gồm: Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu

của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước khi đi vào vận hành chính thức; Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Giấy xác nhận việc đã thực hiện một trong các hạng mục công trình của dự án đã được đầu tư trong trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn trước khi đưa dự án, công trình vào vận hành chính thức và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường."

d) Sửa đổi khoản 11 như sau:

"11. Công trình bảo vệ môi trường, gồm: công trình xử lý chất thải; công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn và công trình bảo vệ môi trường khác theo quy định."

đ) Bổ sung khoản 14 và khoản 15 như sau:

"14. Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở được nêu trong Nghị định này là việc đình chỉ hoạt động của bộ phận, hạng mục trực tiếp gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường hoặc xả thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đến mức có khả năng gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

15. Chất thải rắn thông thường đặc thù được nêu trong Nghị định này bao gồm: chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động y tế; chất thải rắn từ hoạt động xây dựng; chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi; bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng đã được làm sạch các thành phần nguy hại; bùn nạo vét từ kênh mương và các công trình thủy lợi; bùn nạo vét từ biển, sông, hồ và các vùng nước khác."

4. Bổ sung điểm c khoản 2, các điểm o, p, q, r , s và t khoản 3 và khoản 4 Điều 4 như sau:

a) Bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp hành vi vi phạm của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường hoặc cơ sở đã chấm dứt hành vi vi phạm hoặc đã khắc phục xong hậu quả vi phạm do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Thời điểm đình chỉ hoạt động có thời hạn được tính từ thời điểm cơ quan nhà nước đã giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công."

b) Bổ sung các điểm o, p, q, r, s và t khoản 3 như sau:

"o) Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

p) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định;

q) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

r) Buộc lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định;

s) Buộc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

t) Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường."

c) Bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, h và m khoản 3 Điều này chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ chứng minh hậu quả hoặc số lợi bất hợp pháp thu được hoặc số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp theo quy định do hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và sử dụng thông số môi trường để xác định hành vi vi phạm hành chính, mức độ vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; nguyên tắc xử phạt một số hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được sử dụng để xác định hành vi vi phạm hành chính và mức độ vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường khi cá nhân, tổ chức xả, thải chất thải vào môi trường; trường hợp có cả quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương thì áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (sau đây gọi chung là quy chuẩn kỹ thuật).

2. Số lần vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường là giá trị cao nhất được xác định trên cơ sở lấy kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, kết quả giám định, kiểm định, quan trắc, giám sát, đo đạc, phân tích của một trong các thông số môi trường của mẫu chất thải, mẫu môi trường xung quanh chia cho giá trị tối đa cho phép của thông số đó trong các quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3. Khi áp dụng hình thức phạt tiền đối với các hành vi xả nước thải (Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này) hoặc thải bụi, khí thải (Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này) vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nếu trong nước thải hoặc bụi, khí thải có cả các thông số môi trường nguy hại, các loại vi khuẩn, các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc giá trị pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật thì chọn thông số tương ứng với hành vi vi phạm có mức phạt tiền cao nhất của mẫu nước thải hoặc bụi, khí thải để xử phạt; trường hợp có mức phạt bằng nhau thì thông số nguy hại là thông số để xác định hành vi vi phạm.

Các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật còn lại của cùng mẫu chất thải đó sẽ bị phạt tăng thêm từ 10% đến 50% mức phạt tiền của hành vi vi phạm đã chọn đối với mỗi thông số môi trường đó nhưng tổng mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm không vượt quá mức phạt tiền tối đa.

Trường hợp một cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có nhiều điểm xả nước thải hoặc nhiều điểm thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường bị xử phạt theo từng điểm xả, thải đó.

4. Thải lượng nước thải quy định tại Điều 13, 14 của Nghị định này là tổng khối lượng nước thải xả ra môi trường tính trong một ngày (24 giờ). Trường hợp không xác định được thải lượng nước thải thì thải lượng được tính theo lưu lượng nước thải tại thời điểm lấy mẫu nhân với 24 giờ.

5. Đối với một hành vi cùng vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 10 thì xử lý theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

6. Các hành vi quy định tại điểm l khoản 1, điểm l khoản 2 Điều 9, điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 10, điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 11 của Nghị định này là hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện và thời hiệu xử phạt được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

7. Đối với hành vi vi phạm về lập, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đã được áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại Điều 32 thì không áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

8. Người không có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này thì không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tương ứng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm đó."

6. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 7 như sau:

"c) Kết quả thu được bằng thiết bị, hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải, nước thải theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của cá nhân, tổ chức đã được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật đối

với các trường hợp phải lắp đặt và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát. Trường hợp phát hiện kết quả này vượt ngưỡng giá trị cho phép các thông số ô nhiễm về nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải thì tiếp tục phân tích mẫu tại hệ thống lấy mẫu tự động của ngày kế tiếp để xác định hành vi vi phạm; trường hợp vượt ngưỡng giá trị cho phép các thông số ô nhiễm về khí thải theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải thì chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc phải tổ chức quan trắc khí thải của cá nhân, tổ chức đó để xác định hành vi vi phạm."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các biện pháp bảo vệ môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và quy định tại điểm c khoản này; không thông báo cho cơ quan đã xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường để biết việc thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các biện pháp bảo vệ môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận; xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường;

d) Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

đ) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với hành vi không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các biện pháp bảo vệ môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm c khoản này; không thông báo cho cơ quan đã xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường để biết việc thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các biện pháp bảo vệ môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận; xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các biện pháp bảo vệ môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ

các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm c khoản này; không thông báo cho cơ quan đã xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường để biết việc thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các biện pháp bảo vệ môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận; xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: Giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của bộ, cơ quan ngang bộ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận; xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 1, các điểm c và d khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 3 Điều này hoặc đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này;

b) Buộc phải xây lắp công trình bảo vệ môi trường đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d khoản 1; các điểm c, d khoản 2; các điểm c, d khoản 3 và các điểm c, d khoản 4 Điều này."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"Điều 9. Vi phạm các quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp phải tham vấn theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết trong trường hợp có thay đổi chủ dự án theo quy định;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập, gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đưa các công trình xử lý chất thải vào vận hành thử nghiệm khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; không dừng hoạt động hoặc không giảm công suất của dự án để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án; không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp phát hiện chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); không tiếp

thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, trừ các trường hợp: Có sự thay đổi nhưng không phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại điểm b, điểm h và điểm m khoản này;

e) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm b, c và k khoản này;

g) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không rà soát, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải trong trường hợp không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

h) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án; xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý;

i) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định;

k) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 và điểm k khoản 4 Điều 12 Nghị định này;

l) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định.

2. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp phải tham vấn theo quy định;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết trong trường hợp có thay đổi chủ dự án theo quy định;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập, gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đưa các công trình xử lý chất thải vào vận hành thử nghiệm khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; không dừng hoạt động hoặc không giảm công suất của dự án để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án; không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp phát hiện chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); không tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, trừ các trường hợp: Có sự thay đổi nhưng không phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại điểm b, điểm h và điểm m khoản này;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại các điểm b, c và k khoản này;

g) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không rà soát, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải trong trường hợp không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

h) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án; xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý;

i) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định;

k) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 và điểm k khoản 4 Điều 12 Nghị định này;

l) Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, g, h, i, k và l khoản 1 và các điểm d, g, h, i, k và l khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 Điều này;

b) Buộc phải xây lắp, vận hành công trình bảo vệ môi trường và lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm g, i, k và l khoản 1; các điểm g, i, k và l khoản 2 Điều này;

c) Buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, g, h và k khoản 1; các điểm d, g, h và k khoản 2 Điều này."

9. Thay thế Điều 10 như sau:

"Điều 10. Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường

1. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường; lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục; cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải đã xuống cấp hoặc chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; lắp đặt bổ sung một hoặc nhiều công đoạn xử lý cho công trình xử lý chất thải và trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản này;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm c và d khoản này;

c) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vận hành không đúng quy trình, vận hành không đúng chế độ hoặc không vận hành một trong các công đoạn của một trong các công trình xử lý chất thải theo Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường;

đ) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định.

2. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường; lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục; cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải đã xuống cấp hoặc chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; lắp đặt bổ sung một hoặc nhiều công đoạn xử lý cho công trình xử lý chất thải và trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản này;

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm c và d khoản này;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vận hành không đúng quy trình, vận hành không đúng chế độ hoặc không vận hành một trong các công đoạn của một trong các công trình xử lý chất thải theo Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường;

đ) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 1 và các điểm c và d khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này;

c) Buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 và các điểm c, d và đ khoản 2 Điều này."

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường**"

b) Sửa đổi tên khoản 1 như sau:

"1. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như sau:"

c) Sửa đổi tên khoản 2 như sau:

"2. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị xử phạt như sau:"

d) Sửa đổi tên khoản 3 như sau:

"3. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận bị xử phạt như sau:"

đ) Sửa đổi tên khoản 4 như sau:

"4. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này bị xử phạt như sau:"

e) Sửa đổi tên khoản 5 như sau:

"5. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt bị xử phạt như sau:"

g) Bổ sung khoản 6a vào trước khoản 6 như sau:

"6a. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý, quản lý chất thải phát sinh theo quy định đối với trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định."

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 như sau:

"6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 và khoản 6a Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm tại các điểm b và c khoản 1, điểm b và c khoản 2, điểm b và c khoản 3, điểm b và c khoản 4, điểm b và c khoản 5 và khoản 6a Điều này;

b) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi ph ời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 oản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này gây ra;

c) Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án, cơ sở không phù hợp với quy hoạch được phê duyệt theo quy định;

d) Buộc phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án, cơ sở phù hợp với quy hoạch được phê duyệt theo quy định;

đ) Buộc phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án, cơ sở phù hợp với quy hoạch được phê duyệt theo quy định;

e) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi: xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải theo quy định; không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định tại các điểm b, c khoản 1; các điểm b, c khoản 2; các điểm b, c khoản 3; các điểm b, c khoản 4 và các điểm b, c khoản 5 Điều này."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

"b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định;"

b) Sửa đổi điểm b và điểm c khoản 6 như sau:

"b) Phạt tiền bằng 50% mức phạt tiền quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này đối với hành vi xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề có chứa một trong các thông số môi trường (chọn thông số vượt cao nhất) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xả trái phép nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp."

c) Sửa đổi khoản 7 như sau:

"7. Hành vi vi phạm quy định về quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí sàn thao tác bảo đảm an toàn tại vị trí lấy mẫu khí thải, lỗ lấy mẫu khí thải theo quy định; không lắp đặt đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý nước thải theo quy định;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi không vận hành, vận hành không đúng quy trình đối với thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục; không lưu giữ số liệu quan trắc nước thải, khí thải theo quy định hoặc không truyền số liệu quan trắc về cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt thiếu một trong các thông số quan trắc tự động, liên tục của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không lắp đặt camera theo dõi, không đánh giá định kỳ chất lượng hệ thống quan trắc, tự động liên tục đối với nước thải, khí thải theo quy định;

d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm: thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động) hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi cố tình xây lắp, lắp đặt đường ống, cửa xả nước thải ra ngoài môi trường ở vị trí không thể thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định; pha loãng nước thải, khí thải sau xử lý nhằm đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải;

e) Đối với hành vi không kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải hoặc khí thải theo quy định thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường."

d) Bãi bỏ khoản 8 và sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm tại Điều này;

b) Buộc tháo dỡ công trình nuôi trồng thủy sản; buộc phục hồi môi trường do các hành vi vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều này gây ra; buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm c và điểm đ khoản 7 Điều này; buộc phải xây lắp, lắp đặt đường ống, cửa xả nước thải ra ngoài môi trường ở vị trí có thể thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoặc buộc phải tháo dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm đ khoản 7 Điều này."

12. Bổ sung Điều 13a vào trước điều 13 như sau:

"**Điều 13a. Vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường**

1. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường trong quá trình thi công, xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện giám sát chất thải hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện giám sát chất thải hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quan trắc chất thải hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quan trắc chất thải hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) để đánh giá hiệu quả xử lý đối với từng công đoạn và cả công trình xử lý chất thải theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chương trình quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý đối với từng công đoạn và cả công trình xử lý chất thải theo quy định hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) để đánh giá hiệu quả xử lý đối với từng công đoạn và cả công trình xử lý chất thải theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chương trình quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý đối với từng công đoạn và cả công trình xử lý chất thải theo quy định hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ.

3. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc môi trường khi dự án đi vào vận hành bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình giám sát môi trường xung quanh hoặc giám sát các vấn đề môi trường khác đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quan trắc chất thải hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; không thực hiện chương trình giám sát môi trường xung quanh hoặc giám sát các vấn đề môi trường khác đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

c) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quan trắc chất thải hoặc không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phối hợp với đơn vị không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (theo lĩnh vực và phạm vi được cấp giấy chứng nhận) để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường, trừ các trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thành lập và giao thực hiện nhiệm vụ quan trắc, giám sát môi trường trên địa bàn tỉnh hoặc trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi khoản 7 như sau:

"7. Phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 03 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần; 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 đến dưới 10 lần; 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên. Tổng mức phạt đối với mỗi hành vi vi phạm không quá 1.000.000.000 đồng."

b) Sửa đổi khoản 8 như sau:

"a) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này."

c) Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 9 như sau:

"b) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này;

d) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần."

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

a) Sửa tên Điều 14 như sau:

"**Điều 14. Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật bị xử phạt như sau:**"

b) Sửa đổi điểm k và bãi bỏ các điểm l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y khoản 6 như sau:

"k) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m^3/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường."

c) Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 12 như sau:

"a) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i, và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này."

d) Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 13 như sau:

"b) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này;

d) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần."

15. Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 8 Điều 15 như sau:

a) Thay thế điểm b khoản 8 như sau:

"b) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này;"

b) Bổ sung điểm d khoản 8 như sau:

"d) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần."

16. Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 9 Điều 16 như sau:

a) Thay thế điểm b khoản 9 như sau:

"b) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này;"

b) Bổ sung điểm d khoản 9 như sau:

"d) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần."

17. Sửa đổi điểm đ khoản 8 Điều 19 như sau:

"đ) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này."

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 như sau:

"1. Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng;

b) Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt, đổ nước thải không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng, trừ vi phạm quy định tại điểm d khoản này;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt, trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt; đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông."

b) Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 6 như sau:

"a1) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có biên bản bàn giao rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định;"

c) Sửa đổi các điểm c, d và đ khoản 7 như sau:

"c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường xung quanh;

d) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường xung quanh;

đ) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án xử lý rác thải sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định."

d) Sửa đổi các điểm c, d và g khoản 8 như sau:

"c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường xung quanh và trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

d) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ các trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường xung quanh và trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

g) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định."

đ) Bổ sung khoản 9a vào trước khoản 9 như sau:

"9a. Đối với hành vi thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị không đúng quy định về bảo vệ môi trường được áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng."

e) Sửa đổi khoản 9 như sau:

"9. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại dưới 1.000 kg;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg;

g) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg;

h) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg;

i) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg;

k) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg;

l) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 60.000 kg đến dưới 80.000 kg;

m) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 80.000 kg đến dưới 100.000 kg;

n) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 100.000 kg trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường."

g) Sửa đổi điểm b khoản 12 như sau:

"b) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 9a, 9, 10 và 11 Điều này."

h) Sửa đổi điểm a và b khoản 13 như sau:

"a) Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 9a, 9, 10 và 11 Điều này gây ra;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này;"

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không gửi báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ hoặc đột xuất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc gửi báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ không đúng quy định."

b) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

"b) Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định."

c) Sửa đổi điểm b khoản 5 như sau:

"b) Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định trong trường hợp không được phép tiếp tục lưu giữ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;"

d) Sửa đổi tên khoản 7 như sau:

"7. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt như sau:"

đ) Bãi bỏ điểm a và bổ sung điểm đ tại khoản 12 như sau:

"đ) Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra."

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 1.

b) Bãi bỏ điểm a, đ, e, g và sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

"c) Không lập hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS và cung cấp quyền truy cập cho cơ quan cấp phép theo quy định;"

c) Bãi bỏ điểm c khoản 3.

d) Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:

"d) Không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi chuyển giao chất thải nguy hại cho các chủ xử lý khác."

đ) Bãi bỏ điểm c và điểm đ khoản 4.

e) Sửa đổi các điểm b, c khoản 5 như sau:

"b) Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại vượt quá khối lượng một trong các nhóm chất thải nguy hại được quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc trong văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại không được đăng ký trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc không có trong văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

g) Sửa đổi tên khoản 6 như sau:

"6. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt như sau:"

h) Bổ sung khoản 10a vào trước khoản 10 như sau:

"10a. Đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp hành vi tội phạm về môi trường thì bị xử lý như hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này."

i) Sửa đổi điểm b và d khoản 10 như sau:

"b) Đình chỉ hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của chủ xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này;

d) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này."

k) Bổ sung điểm d khoản 11 như sau:

"d) Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này gây ra."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 23 như sau:

"**Điều 23. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện Giấy phép xử lý chất thải nguy hại**"

b) Bãi bỏ các điểm g, h và sửa đổi các điểm a, b, e khoản 1 như sau:

"a) Không thực hiện đúng một trong các nội dung của giấy phép xử lý chất thải nguy hại: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm;

b) Không thực hiện chương trình giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại đã được cấp;

e) Không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại so với khi được cấp phép."

c) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

"d) Sử dụng kho chứa chất thải nguy hại không có trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này."

d) Bổ sung điểm e khoản 3 như sau:

"e) Không thực hiện đúng nội dung văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan cấp phép."

đ) Sửa đổi điểm b khoản 4 như sau:

"b) Không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tiếp nhận chất thải nguy hại từ các chủ xử lý chất thải nguy hại khác;"

e) Sửa đổi điểm d khoản 5 như sau:

"d) Xử lý chất thải nguy hại vượt quá công suất xử lý một trong các nhóm chất thải nguy hại quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc trong văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;"

g) Sửa đổi tên khoản 6 như sau:

"6. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt như sau:"

h) Bổ sung khoản 9a vào trước khoản 9 như sau:

"9a. Đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp hành vi tội phạm về môi trường thì bị xử lý như hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này."

i) Sửa đổi điểm a, điểm đ khoản 9 như sau:

"a) Tước quyền sử dụng giấy phép xử lý chất thải nguy hại, văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

đ) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này."

k) Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 10 như sau:

"a1) Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này;"

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi điểm a, điểm b và điểm c khoản 4 như sau:

"a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 đối với cơ sở hoạt động phá dỡ tàu biển;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước khi tiến hành phá dỡ từng con tàu;"

b) Thay thế điểm a khoản 5 như sau:

"a) Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu;"

c) Sửa đổi điểm a khoản 6 như sau:

"a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này;"

d) Sửa đổi điểm c khoản 6 như sau:

"c) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này gây ra."

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và e khoản 2 như sau:

"b) Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; lưu giữ phế liệu nhập khẩu tại khu vực không đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định;

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với hành vi không có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu theo quy định; không xử lý tạp chất đi kèm phế liệu hoặc không chuyển giao tạp chất cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định;

e) Phạt tiền từ 230.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu phế liệu không đúng chủng loại trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này."

b) Bãi bỏ khoản 3.

c) Sửa đổi khoản 7 như sau:

"7. Phạt tiền từ 900.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu, quá cảnh phế liệu có chứa chất phóng xạ; nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép nhập khẩu phế liệu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường."

d) Sửa đổi điểm a và bổ sung điểm d khoản 8 như sau:

"a) Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 2, khoản 4, 5, 6 và khoản 7 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy phế liệu nhập khẩu."

đ) Sửa đổi điểm a khoản 9 như sau:

"a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 2, khoản 4, 5, 6 và khoản 7 Điều này;"

e) Sửa đổi điểm c khoản 9 như sau:

"c) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại các khoản 2 Điều này gây ra."

24. Bãi bỏ điểm c khoản 4 Điều 27.

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

"1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc điều tra, đánh giá chi tiết khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm trình Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, theo dõi, giám sát theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra."

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1 như sau:

"1a. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về cơ quan phê duyệt phương án và cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường tại địa phương theo quy định; không báo cáo cơ quan phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong trường hợp có sự điều chỉnh phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các hạng mục công việc phải thực hiện trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định."

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, trừ trường hợp thuộc đối tượng phải lập lại báo đánh giá tác động môi trường."

c) Bãi bỏ điểm c và d khoản 6.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

a) Bổ sung khoản 8a vào trước khoản 8 như sau:

"8a. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chất phân tán dầu tràn và chế phẩm sinh học trong ứng phó sự cố tràn dầu không đúng quy định."

b) Sửa đổi điểm b khoản 10 như sau:

"b) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8a, 8, và 9 Điều này gây ra."

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

a) Sửa lại tên Điều 34 như sau:

"**Điều 34. Vi phạm các quy định trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y**"

b) Bãi bỏ khoản 1, điểm a và điểm b khoản 4.

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 2.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau:

"g) Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi gây thiệt hại từ 2.000 m^2 đất, đất ngập nước, mặt nước trở lên tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại từ 200 m^2 trở lên đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường."

c) Bãi bỏ điểm b khoản 5.

30. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì áp dụng biện pháp xử lý theo quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá dưới 1.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng."

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì áp dụng biện pháp xử lý theo quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có giá trị dưới 15.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 25.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 25.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 90.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 90.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 180.000.000 đồng;

i) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 180.000.000 đồng đến dưới 210.000.000 đồng;

k) Phạt tiền từ 210.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 210.000.000 đồng đến dưới 240.000.000 đồng;

l) Phạt tiền từ 240.000.000 đồng đến 270.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 240.000.000 đồng đến dưới 270.000.000 đồng;

m) Phạt tiền từ 270.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 270.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng."

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 như sau:

"1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen cho bên thứ ba với cùng mục đích sử dụng để nghiên cứu không vì mục đích thương mại;

b) Không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu không vì mục đích thương mại ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen."

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ các nội dung trong Kế hoạch tiếp cận nguồn gen đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen cho bên thứ ba với cùng mục đích sử dụng để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại;

c) Không tiến hành chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen với các bên liên quan theo quy định;

d) Không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen;

đ) Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nhưng không thực hiện đúng các nội dung quy định tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại;

e) Sử dụng Giấy phép tiếp cận nguồn gen không đúng nội dung, mục đích;

g) Không gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi Giấy phép hết hạn nhưng vẫn thực hiện việc thu mẫu, tiếp cận nguồn gen đã được cấp phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi, chuyển giao, cung cấp nguồn gen được giao quản lý cho tổ chức, cá nhân khác không đúng quy định của pháp luật; chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen kèm theo việc thay đổi mục đích sử dụng ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen."

b) Sửa đổi điểm a khoản 5 như sau:

"a) Tước quyền sử dụng Giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này;"

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

"1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi nhập khẩu, mua, bán, phóng thích sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen."

b) Bổ sung khoản 2a và 2b trước khoản 2 như sau:

"2a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng nội dung trong Giấy chứng nhận an toàn sinh học.

2b. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi che dấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học của sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen."

33. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 48 như sau:

"đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k, l , m, o, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này."

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

"1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 2.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại các điểm a, c và đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát môi trường và Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại các điểm a, c, đ, i, k, l, m, o, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại các điểm a, c, đ, h, i, k, l, m, o, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại các điểm a, c, đ, h, i, k, l, m, o, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này."

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Kiểm lâm có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động kiểm lâm được quy định tại các Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, các khoản 1, 2 3, 4 và 5 Điều 43, Điều 44, Điều 45, các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này. Thanh tra nông nghiệp và phát triển nông thôn có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động nông nghiệp và phát triển nông thôn được quy định tại khoản 5 Điều 12, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 34, các Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 của Nghị định này. Thanh tra chuyên ngành thủy sản có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động thủy sản được quy định tại khoản 5 Điều 12, khoản 3 Điều 27, các Điều 39, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 của Nghị định này;"

b) Sửa đổi điểm d, điểm đ khoản 1 như sau:

"d) Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 27, 33, 34, 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2 3, 4 và 5 Điều 43; các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này;

đ) Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường xảy ra trên vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế, vùng quyền chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 19, 20; các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 21; các khoản 6, 7, 8 và 9 Điều 22; các Điều 27, 33, 34, 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 43; Điều 44, Điều 45; các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này;"

c) Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau:

"e) Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động hải quan được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 24; các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 25; các Điều 26, 40, 43, 46 và 47 của Nghị định này;"

d) Sửa đổi điểm h khoản 1 như sau:

"h) Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, i, k và l khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 10; khoản 4 Điều 11; các điểm c và d khoản 2, các điểm c, d, đ và e khoản 3, các điểm g, h, i và k khoản 4, các điểm a, b và c khoản 5, các điểm b và c khoản 6, các điểm a, b, c, d và đ khoản 7 Điều 12; các điểm d, đ khoản 1, các điểm b, c khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13a; các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19; các khoản 1, 2, 3, 9a, 9, 10 và 11 Điều 20; điểm b khoản 2, các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 21; các khoản 5, 6, 7, 8 và 10a Điều 22; các khoản 5, 6, 7, 8 và 9a Điều 23; các khoản 2 và 3, các điểm đ, e và g khoản 4 Điều 24; các khoản 5, 6 và 7 Điều 25; điểm đ khoản 3, các khoản 4, 5 và 6 Điều 27; các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 31; điểm c khoản 4, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 và khoản 8 Điều 33; các điểm b và đ khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 34; các khoản 2, 3 và 4 Điều 40; Điều 41; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 43, Điều 47 và hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 8, điểm h khoản 2 Điều 9, điểm c khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 11 của Nghị định này;"

đ) Sửa đổi điểm i và điểm k khoản 1 như sau:

"i) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11; các khoản 1, 2, 6, 9 Điều 20; các Điều 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2 Điều 43; các khoản 1, 2 Điều 45 và khoản 1 Điều 46 của Nghị định này;

k) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại các Điều 8, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 27, 28, 30, 36, 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 43, Điều 44, Điều 45, các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này;"

36. Bổ sung khoản 4 Điều 55 như sau:

"4. Đối với các hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc lập, lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong

nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc buộc cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và cấp lại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, thủ tục kiểm tra, thanh tra và xác nhận đã khắc phục xong hậu quả vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức được lồng ghép với quá trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, cấp, cấp lại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính này thay thế kết luận kiểm tra, thanh tra việc đã khắc phục xong hậu quả vi phạm về bảo vệ môi trường đối với cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều này."

37. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 4 Điều 56 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 56 như sau:

"1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được lập theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính."

b) Bổ sung khoản 4 Điều 56 như sau:

"4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản trong trường hợp xử phạt cảnh cáo vi phạm tại quy định tại các Điều 8, 13a, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 28, 30, 31, 39, 40, 42, 43, 44 và 45 hoặc xử phạt bằng tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20 của Nghị định này; trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ."

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2021.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). 111

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG NGUY HẠI TRONG CHẤT THẢI

(Kèm theo Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ)

I. CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG NGUY HẠI TRONG NƯỚC, NƯỚC THẢI

STT	Thành phần nguy hại	Công thức hoá học
A	**Các thành phần nguy hại vô cơ**	
	Nhóm kim loại nặng và hợp chất vô cơ của chúng (tính theo nguyên tố kim loại)	
1	Asen (Arsenic)	As
2	Cadmi (Cadmium)	Cd
3	Chì (Lead)	Pb
4	Kẽm (Zinc)	Zn
5	Nicken (Nickel)	Ni
6	Thủy ngân (Mercury)	Hg
7	Crom VI (Chromium VI)	Cr
	Các thành phần vô cơ khác	
8	Muối florua (Fluoride) trừ canxi florua (calcium floride)	F^-
9	Xyanua/Tổng Xyanua	CN^-
B	**Các thành phần nguy hại hữu cơ**	
1	Tổng Phenol	
2	PCB	
3	Dioxin	
4	Dầu mỡ khoáng	
5	Hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	
6	Hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	
7	Halogen hữu cơ dễ hấp thụ (AOX)	

II. CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG NGUY HẠI TRONG KHÍ, KHÍ THẢI

STT	Thông số môi trường nguy hại	Công thức hoá học
A	**Các chất vô cơ**	
1	Asen và các hợp chất, tính theo As	As
2	Axit clohydric	HCl
3	Hơi HNO_3 (các nguồn khác), tính theo NO_2	HNO_3
4	Hơi H_2SO_4 hoặc SO_3, tính theo SO_3	H_2SO_4
5	Bụi chứa silic	
6	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	Cd
7	Clo	Cl_2
8	Flo, HF, hoặc các hợp chất vô cơ của Flo, tính theo HF	
9	Thuỷ ngân (kim loại và hợp chất, tính theo Hg)	Hg
10	HydroXyanua	HCN
11	Chì và hợp chất, tính theo Pb	Pb
12	Tổng các kim loại nặng và hợp chất tương ứng	
B	**Các chất hữu cơ**	
1	Acetaldehyt	CH_3CHO
2	Acrolein	CH_2=CHCHO
3	Anilin	$C_6H_5NH_2$
4	Benzidin	$NH_2C_6H_4C_6H_4NH_2$
5	Benzen	C_6H_6
6	Cloroform	$CHCl_3$
7	Fomaldehyt	HCHO
8	Naphtalen	$C_{10}H_8$
9	Phenol	C_6H_5OH
10	Tetracloetylen	C_2Cl_4
11	Vinyl clorua	$ClCH=CH_2$
12	Methyl mecarptan	CH_3SH
13	Styren	$C_6H_5CH=CH_2$
14	Toluen	$C_6H_5CH_3$
15	Xylen	$C_6H_4(CH_3)_2$
16	Tổng Dioxin/Furan	